TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	**----------**
Số: 79/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2023 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Đức D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Đỗ Thị Thuỳ D**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phòng A, tổ 60, phường N, quận S thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình chung sống giữa ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân 02 năm. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu

cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D cùng xác định có 01 con chung là Lê Duy Hoài P, sinh ngày: 22/10/2016. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Đỗ Thị Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Lê Đức D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D (Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/4/2016 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung Lê Duy Hoài P, sinh ngày: 22/10/2016 cho bà Đỗ Thị Thuỳ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Lê Đức D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với

số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D xác định không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D xác định không có nợ chung.

- Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D phải chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Đức D và bà Đỗ Thị Thuỳ D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0003676 ngày 19 tháng 4 năm 2023.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- UBND xã H, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng